

Số: 224/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Phan Thị Hiền.

Thư ký phiên họp: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 298/2025/LĐ-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 189/2025/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: chị Sơn Như T, sinh năm 1991; thường trú: tổ B, Thành Nhân, xã T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: số D khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm: 1993; địa chỉ: số C khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH T2; địa chỉ: khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt;

3. Bảo hiểm xã hội Cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu chị Sơn Như T trình bày:* Từ tháng 05/2009 đến tháng 01/2010 chị làm việc ở Công ty TNHH N1, từ tháng 04/2010 đến tháng 01/2011 chị làm việc ở Công ty TNHH S, từ tháng 12/2013 đến tháng 04/2024 chị làm việc ở Công ty TNHH S và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại các Công ty này. Quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội tại các Công ty, chị đã thực hiện rút Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12/2013 đến tháng 05/2023.

Tháng 06/2025, chị có nhu cầu tiến hành điều chỉnh thông tin Bảo hiểm

xã hội, Bảo hiểm y tế thì Bảo hiểm xã hội thành phố T – khu vực XXVII (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh) rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của chị bị trùng tại Công ty TNHH T2 vào tháng 01/2010 - 03/2010 theo Công văn 30/CV-BHXXH ngày 04/06/2025.

Lý do bị trùng là do vào tháng 01/2010 chị cho người quen là bà Trần Thị Thanh T1 mượn hồ sơ Bảo hiểm xã hội để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Do đó, chị bị trùng thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội vào thời gian này tương đương với thời gian bà T1 sử dụng thông tin của chị để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Hợp đồng lao động giữa bà T1 và Công ty TNHH T2 đã vi phạm nguyên tắc "trung thực" vì hồ sơ Bảo hiểm xã hội là tên của chị T nhưng người đi làm lại là bà T1 và Hợp đồng này cũng vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin chính xác trong giao kết Hợp đồng lao động.

Nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa chị Sơn Như T (do bà Trần Thị Thanh T1 là người trực tiếp ký kết) với Công ty TNHH T2 trong thời gian vào tháng 01/2010 - 03/2010 là vô hiệu.

Về hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh T1 trình bày:
Tháng 06/2025, chị Sơn Như T có nhu cầu tiến hành điều chỉnh thông tin Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế thì Bảo hiểm xã hội Thành phố T – khu vực XXVII (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh) rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của chị T bị trùng thời gian đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T2 vào tháng 01/2010 - 03/2010 theo Công văn 30/CV-BHXXH ngày 04/06/2025.

Lý do bị trùng là do vào tháng 01/2010 chị Sơn Như T cho chị T1 mượn hồ sơ Bảo hiểm xã hội để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Do đó, chị T bị trùng thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội vào thời gian này tương đương với thời gian chị sử dụng thông tin của chị T để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Thời gian đó, chị chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động, chị và chị Sơn N T là những người quen biết với nhau lâu năm nên chị T mới hỗ trợ cho chị mượn thông tin để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2. Chị T1 không hiểu biết về pháp luật nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay và chị biết điều này là trái với quy định của pháp luật.

Do đó, chị T1 đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố Hợp đồng lao động đã giao kết giữa chị Sơn Như T (do chị T1 là người trực tiếp ký kết) với Công ty TNHH T2 trong thời gian vào tháng 01/2010 - 03/2010 là vô hiệu.

- Công ty TNHH T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở L trình bày:

Qua kiểm tra dữ liệu lưu trữ hiện có trên hệ thống của ngành BHXH, đối với thông tin họ tên chị Sơn Như T, sinh ngày 01/01/1991, sổ chứng minh nhân

dân: 371479997, số căn cước công dân 086191007789 có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), ở các mã số BHXH như sau:

Mã số BHXH: 7413292859 tham gia từ tháng 12/2013 đến tháng 04/2024 tại Công ty TNHH S. **Đã nhận BHTN từ 12/2013 đến 05/2023.**

Mã số BHXH: 7409180527 tham gia từ 05/2009 đến tháng 01/2010 tại Công ty TNHH T2.

Mã số BHXH: 7410087364 tham gia từ 5/2009 đến tháng 03/2010 tại Công ty TNHH N1.

Mã số BHXH: 7410107209 tham gia từ **04/2010 đến tháng 01/2011** tại Công ty TNHH S.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Sơn Như T, chị Trần Thị Thanh T1, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH T2 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của các đương sự xác định: từ tháng 05/2009 đến tháng 01/2010, người lao động tên S T được Công ty TNHH N1 tham gia BHXH, BHYT, BHTN với mã số bảo hiểm xã hội là 7410087364. Ngoài ra, bà T còn có quan hệ lao động với Công ty TNHH T2 và tham gia BHXH mã số **7409180527 từ tháng 05/2009 đến tháng 03/2010**. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH T2 và chị Sơn Như T phát sinh từ hợp đồng lao động tháng tháng 05/2009. Tuy nhiên, chị Sơn Như T và chị Trần Thị Thanh T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 và thực tế làm việc tại Công ty T3 khoảng thời gian từ tháng tháng 05/2009 đến tháng **03/2010** theo hợp đồng lao động là chị Trần Thị Thanh T1 chứ không phải chị Sơn N Thủy do chị T1 mượn thông tin, giấy tờ của chị T để đi làm. Xét thấy, việc chị T1 lấy tên chị T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, việc chị Sơn Như T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng giữa chị Sơn Như T với Công ty TNHH T2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có

tranh chấp. Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở L đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Sơn N T bị trùng từ tháng **01/2010 đến tháng 03/2010**. Do đó, chị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH T2 với chị T (do chị T1 sử dụng thông tin của chị T để ký) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T và ý kiến của chị về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH T2 trong giai đoạn từ tháng 1/2010 đến tháng 3/2010 là chị Trần Thị Thanh T1, không phải là chị Sơn Như T. Chị T và chị T1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sở bảo hiểm xã hội mã số 7409180527.

[4] Về lệ phí: chị Sơn Như T phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 của Bộ luật lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Sơn Như T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Sơn Như T, sinh năm 1991; thường trú: tổ B, Thành Nhân, xã T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: số D khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH T2 là vô hiệu.

Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409180527 không phải là chị Sơn Như T, sinh ngày 01/01/1991, số chứng minh nhân dân: 371479997, số căn cước công dân 086191007789. Chị Sơn Như T và chị Trần Thị Thanh T1 được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409180527.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: chị Sơn Như T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai

thu số: 0015582 ngày 06/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Thị Hiền